

Bản án số: 02/2021/ ST- HNGĐ
Ngày 18-3-2021
V/v: Xin ly hôn và nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Le và bà Lò Thị Thúy

-Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lương Văn Dục, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 02/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lữ Thị Thúy Q, sinh năm: 1993; Địa chỉ: Bản H, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La “Có mặt”

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh T “Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 12 năm 2020 và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lữ Thị Thúy Q trình bày:

Chị và anh Lê Văn H tìm hiểu yêu đương rồi kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 02 năm 2014 do UBND xã Y, huyện Y, tỉnh T cấp giấy đăng ký kết hôn. Việc kết hôn do hai bên tự nguyện không do ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi kết hôn chị và anh H về sống chung với gia đình bên chồng tại huyện Y, tỉnh T. Mới đầu hai vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc với nhau, vào cuối tháng

4 năm 2017 khi chị đi làm công nhân tại Nhà máy Giấy da, ở huyện Y, tỉnh T thì bị tai nạn, gãy tay nên chị đã về quê ngoại ở bản H, xã V để điều trị thuốc Nam. Khi đó giữa hai vợ chồng ở mỗi người một nơi, hai bên nghi ngờ lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng mờ nhạt, sau đó một thời gian chị lại quay trở về quê chồng sinh sống với gia đình bên chồng. Lúc này tình cảm giữa hai vợ chồng không mượt mà như trước, giữa hai vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, thường xuyên có xích mích mâu thuẫn, cãi vã nhau, quan điểm sống khác nhau, không hòa đồng với nhau, không quan tâm đến nhau, việc của ai người đấy làm, không tìm được tiếng nói chung. Thấy vậy chị và anh H cảm thấy không còn tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Anh H thì đi làm công nhân xa nhà, còn chị đã quay về nhà bố mẹ bên ngoại ở từ cuối tháng 4 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng không đi lại với nhau. Chị Q cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Chị có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y, giải quyết cho chị và anh H ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu Lê Nhật Duy A, sinh ngày 02/9/2014, hiện tại con đang ở với anh H, Hai bên tự thỏa thuận giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu.

Về tài sản chung: Chị và anh Lê Văn H đã tự thỏa thuận giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 28/01/2021 và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Lê Văn H trình bày:

Việc kết hôn của vợ chồng là đúng như chị Q đã trình bày trên đây, anh và chị Q kết hôn với nhau, có gấy kết hôn do UBND xã Y, huyện Y, tỉnh T cấp ngày 18/02/2014, có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi thành hôn hai vợ chồng sống chung hòa thuận hạnh phúc với nhau một thời gian khá lâu. Đến năm 2020 thì vợ anh viết đơn xin ly hôn anh với lý do là vợ chồng không hợp nhau và không tiếp tục chung sống với anh được nữa. chị Q và anh đã sống mỗi người một nơi từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, anh H cũng cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị Q yêu cầu được ly hôn anh H cũng nhất trí theo đơn đề nghị, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Q được ly hôn.

Về con chung: Có 01 cháu Lê Nhật Duy A, sinh ngày 02/9/2014, hiện tại con đang ở với anh H, Hai bên tự thỏa thuận giao cháu cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu, anh H không yêu cầu chị Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung: Anh H chị Q tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật và trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận cho chị Lữ Thị Thúy Q và anh Lê Văn H được ly hôn.

- Về con Chung: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa chị Q và anh H giao cháu Lê Nhật Duy A, sinh ngày 02 tháng 9 năm 2014 cho anh H nuôi dưỡng, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị Lữ Thị Thúy Q phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn anh Lê Văn H, nhưng anh Hiệp nhất trí với đề nghị trong đơn của chị Q, không đề nghị gì thêm và anh H có đơn đề nghị xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lữ Thị Thúy Q và anh Lê Văn H là trai chưa vợ, gái chưa chồng kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện của hai bên, đã được

UBND xã Y, huyện Yên Đ, tỉnh T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/02/2014 và đã được tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương.

Sau khi thành hôn hai anh chị sống chung với bố mẹ chồng ở xã Y, huyện Y, tỉnh T và sống chung hoà thuận hạnh phúc với nhau với thời gian khá lâu (4 năm), đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng tính tình không hợp, mỗi người có quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế và xây dựng hạnh phúc gia đình. Hơn nữa anh chị đi làm mỗi người một nơi, sống xa nhau, hay nghi ngờ không tin tưởng lẫn nhau, làm cho tình cảm vợ chồng sút mẻ, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được mặc dù đã được bố, mẹ, anh, em họ hàng hai bên hòa giải thuyết phục. Đến tháng 4 năm 2018 chị Q đã về ở với bố mẹ đẻ của chị cho đến nay, từ ngày đó cho đến nay hai vợ chồng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không đi lại thăm hỏi quan hệ vợ chồng với nhau. Trước tòa chị Q xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Văn H cũng xác nhận tình cảm không còn với chị Q và đề nghị xử cho anh và chị Q được ly hôn. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Q phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: "...Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được". Cần xử chấp nhận cho chị Lữ Thị Thúy Q và anh Lê Văn H được ly hôn.

[3] Về con chung: Có 01 cháu tên là Lê Nhật Duy A, sinh ngày 02/9/2014, hiện tại con đang ở với anh H. Hai bên tự thỏa thuận giao cháu cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu, chị Lữ Thị Thúy Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H. Sự thỏa thuận trên là phù hợp với pháp luật, cần chấp nhận giao cháu Duy A cho anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi, chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H chị Q xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lữ Thị Thúy Q phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Nghị quyết số: 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Xử cho chị Lữ Thị Thúy Q và anh Lê Văn H được ly hôn.

2.Về con chung: Giao cháu Lê Nhật Duy A, sinh ngày 02/9/2014, cho anh Lê Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Chị Lữ Thị Thúy Q chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3.Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4.Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

5.Về án phí: Chị Lữ Thị Thúy Q phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Sơn La theo biên lai thu số: AA/2019/0001366 ngày 29/12/2020.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/3/2021) chị Lữ Thị Thúy Q được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La. Anh Lê Văn H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát huyện Y;
- Thi hành án dân sự huyện Y;
- UBND xã Y, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Văn Bình